

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2020/DS-PT
Ngày: 09-7-2020
“V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại và chi phí thi công
trong xây dựng nhà ở”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp bồi thường thiệt hại và chi phí thi công trong xây dựng nhà ở”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CD bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 293/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Lê Xuân Đ, sinh năm 1976.

2. Bà Nguyễn Lê Xuân Đ, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Số 251 Tổ 10, ấp 5, xã Long Sơn, huyện CD, tỉnh Long An.

Cùng tạm trú: Ấp 3, xã LC, huyện CD, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ngô Tấn Thành – Văn phòng luật sư Minh Tấn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Dương Anh T (Dương Văn T), sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 104 Tổ 3, ấp 3, xã LC, huyện CD, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Kim D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 104 Tổ 3, ấp 3, xã LC, huyện CD, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D.

(Bà Đ, ông T có mặt tại phiên tòa, bà D vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Lê Xuân Đ đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C trình bày: Do có nhu cầu xây dựng nhà ở nên giữa vợ chồng bà và ông Dương Anh T có thỏa thuận xây dựng ngôi nhà bê tông cốt thép 1 trệt, 1 lầu, vách tường, mái lợp tôn, nền gạch trên thửa đất số 3527, tờ bản đồ số 3, diện tích 107,5m², tọa lạc tại Khu dân cư ấp 3, xã LC, huyện CD, tỉnh Long An, chỉ thỏa thuận miệng, không ký hợp đồng. Vợ chồng bà chịu trách nhiệm cung cấp nguyên vật liệu cho ông T thi công, còn mọi việc khác đều giao cho ông T. Ông T nhận thi công nhà với tiền công tính theo mét vuông, tiền công tầng trệt là 1.200.000đ/m², tầng lầu là 1.000.000đ/m². Vợ chồng bà giao cho ông T chịu trách nhiệm giám sát, thi công nhà theo bản vẽ. Ngày 19/02/2017 (âm lịch), khởi công xây dựng nhà. Ngày 19/3/2017 (âm lịch), là đổ trần bê tông lầu 1, sau khi đổ trần bê tông xong thì ngày hôm sau 20/3/2017 (âm lịch) tiếp tục đổ cột và xây dựng tường thi công luôn tầng lầu. Bê tông đổ trần là do ông T chỉ chỗ mua, khi mua có lập hợp đồng và khi đổ bê tông có lưu giữ mẫu lại. Tháng 6/2017 (âm lịch), khi phát hiện vết nứt thì bà có đem bê tông mẫu đi giám định, kết quả là mẫu bê tông đạt chất lượng. Khi đổ trần bê tông xong, ông T nói vợ chồng bà tưới nước bảo dưỡng. Quá trình xây dựng nhà, vợ chồng bà ở nhà tại ấp 5, xã Long Sơn. Đến tháng 8/2017 (âm lịch), là thi công xong nhà nhưng không có lập biên bản nghiệm thu do phát hiện nhà có vết nứt. Lúc đầu chỉ xuất hiện vài vết nứt nhỏ chứ chưa xuất hiện nhiều vết nứt như hiện nay. Nay bà yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại giá trị căn nhà do thi công bị hư hỏng cho vợ chồng bà. Quá trình ông T thi công nhà, vợ ông T cũng có đến phụ nên bà yêu cầu vợ của ông T cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà số tiền là 308.000.000 đồng. Cùng thời điểm đang xây nhà, vào tháng 6/2017 (âm lịch), ông T cũng thi công dãy nhà trọ cho vợ chồng bà. Đến tháng 10/2017 (âm lịch) thi công xong, giá thi công dãy nhà trọ tính là 950.000đ/m². Bà đã trả cho ông T tổng cộng số tiền công là 275.000.000đ bao gồm tiền công xây dựng căn nhà và tiền công xây dựng nhà trọ, tuy nhiên do căn nhà chưa được nghiệm thu nên chưa tính được tiền công là bao nhiêu và còn thiếu đủ như thế nào. Đối với số tiền ông T yêu cầu trả tiền công là 98.400.000đ thì bà không đồng ý do ông T thi công nhà bị hư hỏng ảnh hưởng đến giá trị căn nhà của bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Lê Xuân Đ yêu cầu ông T và bà D bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà theo dự toán chi phí sửa chữa của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng tỉnh Long An ngày 15/5/2019 là

175.714.000 đồng. Về tiền công xây dựng nhà, vợ chồng bà đã trả cho ông T số tiền là 275.000.000 đồng, còn nợ lại là 50.359.000 đồng. Vì vậy, ông T yêu cầu vợ chồng bà trả tiếp số tiền công còn lại là 98.400.000 đồng, bà không đồng ý.

- *Tại đơn phản tố ngày 17/10/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Anh T (Dương Văn T) trình bày như sau:* Ông chỉ là thợ có tay nghề chứ không có bằng kỹ sư xây dựng và không có mở Công ty để hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Do chỗ quen biết nên ông C có năn nỉ ông về phụ xây nhà ông C, ban đầu ông bận công việc nhiều nên không muốn nhận nhưng do ông C năn nỉ nên ông mới nhận lời phụ xây nhà. Ông chỉ là thợ được ông C thuê để phụ xây nhà cho ông C chứ không phải là thầu nhận xây nhà. Bản vẽ là ông chỉ chỗ cho ông C đến vẽ chứ ông không tự làm. Còn về nhân công thì khi nào có thợ xin làm thì nhận vào làm và do ông và ông C cùng nhận. Các bên không có thỏa thuận tiền công bao nhiêu mà mỗi tuần ông chỉ là người đứng ra nhận tiền từ ông C để giao lại cho các nhân công. Ông đã nhận tiền công của vợ chồng ông C và bà Đ tổng cộng là 272.800.000đ. Tại biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã LC, ông đồng ý chịu trách nhiệm sửa chữa lại nhà cho ông C, bà Đ là do ông nghĩ tình làng, nghĩa xóm nên chịu trách nhiệm sửa lại cho xong. Quá trình ông làm nhà đến đâu thì ông C, bà Đ giám sát đến đó. Nếu ông C, bà Đ đồng ý thì ông mới tiếp tục thi công còn nếu không đồng ý thì ông phải tháo ra làm lại. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của ông C và bà Đ. Khi ông làm nhà, vợ ông là bà Ngô Thị Kim D có mang cơm đến cho ông, thấy có nhiều việc nên có vào phụ chứ không tham gia làm nhà của ông C và bà Đ. Sau khi xây nhà cho ông C, bà Đ xong, ông C kêu ông tiếp tục làm nhà trọ, hứa sẽ thanh toán đầy đủ khi làm xong nhà trọ. Nhà trọ khởi công cũng vào tháng 6/2017 (âm lịch), và hoàn thành vào tháng 9/2017 (âm lịch). Ông nhận làm nhà trọ tiền công 950.000đ/m². Sau khi xây nhà trọ xong thì ông C, bà Đ đã trả được cho ông số tiền 272.800.000đ, còn thiếu lại số tiền 98.400.000đ. Căn cứ để ông tính ra được số tiền là do ông tính theo ngày công. Khi thỏa thuận là tính giá trị tiền công theo m² nhưng cuối cùng lại tính theo tiền công ngày là do thợ nhận tiền theo ngày công. Việc trả tiền công cho thợ là do ông C, bà Đ đưa tiền cho ông và ông là người trực tiếp trả tiền công. Nhà ông C, bà Đ bị nứt là do nền đất yếu, xe container chạy bị ảnh hưởng; chủ nhà mua vật tư không đúng chất lượng; kết cấu sắt đồ trần thường là cột nhưng ông C, bà Đ yêu cầu hàn; bản vẽ yêu cầu dùng sắt 10 nhưng ông C, bà Đ vẫn dùng sắt 8. Khi xây dựng nhà có thỏa thuận ông chịu tiền công, còn ông C và bà Đ chịu tiền vật tư. Trong quá trình xây dựng, giữa ông T và ông C, bà Đ cũng có lúc trái ý kiến về việc sử dụng vật tư nhưng do ông C, bà Đ là người mua và việc sử dụng vật tư đó cũng không làm ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà nên ông cũng không có ý kiến gì. Nay ông đồng ý với dự toán chi phí sửa chữa của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng tỉnh Long An ngày 15/5/2019 là 175.714.000 đồng. Ông đồng ý sẽ chịu ½ số tiền thiệt hại và chịu ½ tiền chi phí giám định. Đồng thời ông yêu cầu ông C và bà Đ phải trả số tiền công còn thiếu là 98.400.000đ, tiền công xây dựng này là tiền công xây dựng căn nhà, còn tiền công xây dựng nhà trọ thì đã thanh toán xong.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Kim D trình bày: Bà và ông Dương Anh T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LC. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ thì bà không đồng ý. Việc ông T nhận xây dựng nhà của ông C, bà Đ là công việc của 01 mình ông T, không liên quan đến bà nên bà không đồng ý liên đới trong vụ án này.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CD đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 159, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 112; điểm a, c, k khoản 2 Điều 113 Luật xây dựng năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Lê Xuân Đ về tranh chấp bồi thường thiệt hại trong xây dựng nhà ở đối với bị đơn ông Dương Anh T (Dương Văn T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Kim D.

Buộc ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ số tiền là 117.143.000 đồng (một trăm mười bảy triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Lê Xuân Đ về tranh chấp bồi thường thiệt hại trong xây dựng nhà ở đối với bị đơn ông Dương Anh T (Dương Văn T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Kim D đối với số tiền là 58.571.000 đồng (năm mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Anh T (Dương Văn T) yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ về việc trả chi phí thi công nhà ở.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ phải liên đới trả cho ông Dương Anh T số tiền là 52.559.000 đồng (năm mươi hai triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Anh T (Dương Văn T) yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ về việc trả

tiền công thi công nhà ở còn thiếu là 45.841.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn đồng).

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

5.1 Về án phí: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Lê Xuân Đ phải chịu 5.556.500 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã đóng là 7.725.000 đồng tại biên lai số 0000142 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD. Trả lại cho ông C và bà Đ số tiền tạm ứng án phí là 2.168.500 đồng; ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D phải chịu 5.857.000 đồng án phí về bồi thường thiệt hại; ông Dương Anh T phải chịu 2.292.000 đồng án phí về số tiền công không được chấp nhận. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã đóng là 2.460.000 đồng tại biên lai số 0000493 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD. Ông T và bà D phải có trách nhiệm nộp tiếp số tiền là 5.689.000 đồng.

5.2 Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Lê Xuân Đ phải chịu 12.354.000 đồng. Ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D phải chịu 24.708.000 đồng. Ông C và bà Đ đã nộp, ông T và bà D có nghĩa vụ nộp để hoàn trả cho ông C và bà Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 16/4/2020, ông Dương Anh T kháng cáo không đồng ý về số tiền bồi thường như bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 17/4/2020, bà Ngô Thị Kim D kháng cáo không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng ông Dương Anh T bồi thường như bản án dân sự sơ thẩm.

Phản tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Ngô Tấn Thành tranh luận bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn như sau: Các bên đã xác lập hợp đồng xây dựng công trình nhà ở. Mọi thủ tục pháp lý đều giao cho ông T lo liệu, bà Đ và ông C chỉ chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng chứ hoàn toàn không biết về kỹ thuật xây dựng. Các vết nứt của công trình nhà ở là do ông T sử dụng sắt không đúng, làm sắt không đều. Ông T làm nhà mà không trình độ, chỉ làm theo quán tính; đã nhận làm nhà thì phải chịu rủi ro khi thiệt hại xảy ra. Bên cạnh đó, trong vụ án này nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại, không yêu cầu giải quyết tiền công xây dựng, ông T không có đơn yêu cầu phản tố, không đóng tiền tạm ứng án phí mà Tòa án cấp sơ thẩm lại giải quyết cả phần tiền công xây dựng để trừ khoản tiền hơn 50.000.000 đồng vào khoản tiền thiệt hại của nguyên đơn là không đúng, vì hiện tại các bên không có tài liệu nào thể hiện giá làm nhà là bao nhiêu. Nếu cần thiết thì ông T có quyền khởi kiện thành vụ án khác để tranh chấp khi hai bên không thỏa thuận được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn như bản án sơ thẩm, không đồng ý khấu trừ khoản tiền công xây dựng vào khoản tiền thiệt hại và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

- Bà Nguyễn Lê Xuân Đ không tranh luận.

- Ông Dương Anh T tranh luận rằng, để khắc phục thiệt hại bằng phương pháp FRP, ông sẽ chịu tiền công thực hiện, còn mọi vật tư, trang thiết bị khác thì bên ông C, bà Đ chịu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội D kháng cáo:

Vợ chồng ông C, bà Đ và ông T thỏa thuận với nhau về việc xây dựng nhà không có ký hợp đồng quy định rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên mà chỉ thỏa thuận miệng. Hai bên thống nhất ông T là người nhận thi công nhà, chịu trách nhiệm trả tiền công cho công nhân. Ông T chỉ là thợ lâu năm, không có bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn về xây dựng.

Theo báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình xây dựng số 46/BC-TTGD ngày 15/5/2019, nguyên nhân nứt bê tông sàn do không thực hiện công tác bảo dưỡng trong quá trình ninh kết (sau khi đổ bê tông) gây ra ứng suất kéo phân bố không đều. Về quyền, nghĩa vụ của các bên trong thi công xây dựng theo Điều 112, Điều 113 Luật xây dựng năm 2014 thì trách nhiệm thuộc về ông T và ông C, bà Đ. Ông C, bà Đ có lỗi vì không xem xét ông T có đủ điều kiện năng lực để hành nghề thi công xây dựng hay không và không tiến hành ký kết hợp đồng. Do đó, ông T và ông C, bà Đ đều có lỗi ngang nhau nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ trách nhiệm đối với số tiền thiệt hại.

Ông T yêu cầu ông C, bà Đ hoàn trả tiền công còn thiếu 98.400.000 đồng. Ông C, bà Đ cho rằng chỉ còn nợ 50.359.000 đồng. Do các bên không thống nhất số tiền công còn thiếu nên tại biên bản ngày 28/6/2019 Tòa án yêu cầu ông T có trách nhiệm phối hợp với ông C tiến hành đo đạc kiểm tra lại diện tích xây dựng để tính lại số tiền đã nhận và số tiền còn thiếu nhưng ông T không thực hiện. Bà Đ cho rằng đã trả cho ông T tiền công 275.000.000 đồng nhưng ông T chỉ thừa nhận là 272.800.000 đồng. Bà Đ không có chứng cứ chứng minh việc trả 275.000.000 đồng nên chỉ chấp nhận số tiền đã trả 272.800.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ buộc ông C, bà Đ trả cho ông T số tiền còn lại là 52.559.000 đồng.

Đối với kháng cáo của bà D không đồng ý liên đới: Bà D là vợ hợp pháp của ông T, biết sự việc thỏa thuận xây dựng nhà của ông T và bà Đ, ông C, lợi nhuận ông T nhận thi công nhà cũng để phục vụ cho kinh tế gia đình. Việc yêu cầu bà D có nghĩa vụ liên đới là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, không chấp nhận kháng cáo của bà D, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Kim D có đơn kháng cáo và đã được triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Anh T là chồng của bà Ngô Thị Kim D khẳng định bà D đã nhận được 02 lần giấy triệu tập của Tòa án nhưng bận đi làm nên bà D không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, việc bà D vắng mặt xem như từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà D.

[2] Về nội D tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất, vào ngày 19/02/2017 (âm lịch) các hai bên thỏa thuận bằng lời nói về hợp đồng xây dựng nhà ở. Theo đó, ông Dương Anh T có trách nhiệm xây dựng cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ ngôi nhà bê tông cốt thép 1 trệt, 1 lầu, vách tường, mái lợp tôn, nền gạch trên thửa đất số 3527, tờ bản đồ số 3, diện tích 107,5m², tọa lạc tại Khu dân cư ấp 3, xã LC, huyện CD, tỉnh Long An. ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ chịu trách nhiệm cung cấp nguyên vật liệu để ông T xây dựng; giá tiền công xây dựng các bên thỏa thuận tính theo mét vuông, tiền công tầng trệt là 1.200.000đ/m², tầng lầu là 1.000.000đ/m²; bậc tam cấp tầng trệt và mái che ban công lầu 1 có giá bằng ½ giá tầng trệt và tầng lầu.

Bên cạnh đó, các bên còn thỏa thuận ông T xây dựng cho ông C, bà Đ 05 phòng trọ với giá tiền công xây dựng là 900.000 đồng/m², giá xây dựng ban công bằng ½ giá tiền công nhà trọ. Việc cung cấp vật tư, trang thiết bị xây dựng do ông C, bà Đ chịu trách nhiệm.

Đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vì các bên đã thừa nhận, thống nhất tại phiên tòa phúc thẩm.

[2.2] Trong quá trình xây dựng công trình nhà ở của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ không đạt chất lượng theo yêu cầu. Tại báo cáo số 46/BC-TTGD ngày 15/5/2019 thì nguyên nhân xuất hiện vết nứt sàn là do không thực hiện công tác bảo dưỡng trong quá trình ninh kết (sau khi đổ bê tông) gây ra ứng suất kéo phân bố không đều. Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9381: 2012 hướng dẫn đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà độ võng bản sàn nhỏ hơn 1/150; bề rộng vết nứt ở vùng chịu kéo bản sàn không lớn hơn 1,00 (mm); cốt thép không có hiện tượng bị ăn mòn. Do đó, để đáp ứng yêu cầu sử dụng các ô sàn thì cần giải pháp gia C bằng phương pháp FRP. Chi phí cải tạo sửa chữa bằng FRP và thử tĩnh là 175.714.000 đồng.

[2.3] Căn cứ khoản 2 Điều 112, khoản 2 Điều 113 của Luật Xây dựng năm 2014 quy định:

2. Chủ đầu tư có các nghĩa vụ sau:

a) Lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng phù hợp với loại, cấp công trình và công việc thi công xây dựng;

.....

c) Tổ chức giám sát và quản lý chất lượng trong thi công xây dựng phù hợp với hình thức quản lý dự án, hợp đồng xây dựng;

d) Kiểm tra biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;

.....

e) Thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực hoạt động xây dựng để kiểm định chất lượng công trình khi cần thiết;

.....

i) Chịu trách nhiệm về chất lượng, nguồn gốc của vật tư, nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, sản phẩm xây dựng do mình cung cấp sử dụng vào công trình;

.....

2. Nhà thầu thi công xây dựng có các nghĩa vụ sau:

a) Chỉ được nhận thầu thi công xây dựng, công việc phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của mình và thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết;

b) Lập và trình chủ đầu tư phê duyệt thiết kế biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình;

c) Thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn và bảo vệ môi trường;

d) Có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp và thiết lập hồ sơ quản lý chất lượng công trình;

đ) Tuân thủ yêu cầu đối với công trường xây dựng;

.....

k) Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, không bảo đảm yêu cầu theo thiết kế được duyệt, thi công không bảo đảm chất lượng, gây ô nhiễm môi trường và hành vi vi phạm khác do mình gây ra;

l) Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng theo thiết kế, kể cả phần việc do nhà thầu phụ thực hiện (nếu có); nhà thầu phụ chịu trách nhiệm về chất lượng đối với phần việc do mình thực hiện trước nhà thầu chính và trước pháp luật....”

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ thừa nhận rằng, trong quá trình thi công công trình nhà ở, bà và ông C trực tiếp giám sát, không thuê đơn vị giám sát độc lập, khi làm các công đoạn của quá trình xây dựng như đổ dàn móng nhà, đổ cột bê tông, cốt thép, đổ sàn lầu 1, tháo dàn giáo để tiếp tục xây dựng trên lầu 1 đều có

sự chứng kiến của ông C, bà Đ; không tiến hành ký hợp đồng xây dựng, lựa chọn thầu xây dựng không có giấy phép hành nghề, vật liệu xây dựng là do ông C, bà Đ cung cấp, có sự thay đổi từ sắt phi 10 (theo bản vẽ thiết kế) sang sắt phi 8 ông, bà cũng biết điều này. Song song đó, ông T biết rõ mình không có bằng kỹ sư xây dựng, không có giấy phép thành lập Công ty hành nghề xây dựng nhưng vẫn tiến hành nhận công trình nhà ở để xây dựng; trong quá trình xây dựng không có ý kiến đề xuất, kiến nghị về vật liệu xây dựng do bà Đ, ông C cung cấp, không có biện pháp đảm bảo thi công xây dựng theo tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chất lượng. Vì vậy, việc gây ra thiệt hại thực tế do hai bên đều có lỗi. Đồng thời, các bên không có thỏa thuận nguyên tắc, trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi công trình không đảm bảo chất lượng nên không có cơ sở phân định lỗi theo phần của các bên mà cần xác định đây là lỗi hỗn hợp. Vì vậy, đối chiếu quy định tại Điều 360, 363 Bộ luật dân sự năm 2015 các bên phải gánh chịu $\frac{1}{2}$ giá trị thiệt hại xảy ra. Do đó, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, lời trình bày tranh luận của Luật sư không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Căn cứ vào Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An mà các bên đã thống nhất thấy rằng tiền công xây dựng công trình nhà ở và nhà trọ như sau:

- Nhà ở:

+ Tầng trệt: $99,4847\text{m}^2 \times 1.200.000 \text{ đồng/m}^2 = 119.381.640 \text{ đồng}$.

+ Bậc tam cấp tầng trệt: $4,186\text{m}^2 \times 600.000 \text{ đồng/m}^2 = 2.511.600 \text{ đồng}$.

+ Lầu 1: $128,7649\text{m}^2 \times 1.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 128.764.900 \text{ đồng}$.

+ Mái che ban công lầu 1: $26,148\text{m}^2 \times 500.000 \text{ đồng/m}^2 = 13.074.000 \text{ đồng}$.

Cộng: 263.732.140 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi đồng).

- Nhà trọ:

+ Phần nhà có diện tích $74,36\text{m}^2 \times 900.000 \text{ đồng/m}^2 = 66.924.000 \text{ đồng}$.

+ Ban công có diện tích: $46,29\text{m}^2 \times 450.000 \text{ đồng/m}^2 = 20.830.500 \text{ đồng}$.

Cộng: 87.754.500 đồng (tám mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm đồng).

Tổng cộng tiền công xây dựng mà bà Đ, ông C phải trả cho ông Dương Anh T là 351.486.640 đồng (ba trăm năm mươi một triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng), khấu trừ khoản tiền 272.800.000 đồng mà ông T đã nhận nên bà Đ, ông C có trách nhiệm trả tiền công xây dựng cho ông T là 78.686.640 đồng (bảy mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng).

[2.5] Tại phiên tòa Luật sư Ngô Tấn Thành cho rằng bị đơn không có đơn phản tố yêu cầu tiền công xây dựng là không đúng thực tế nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận. Bởi lẽ, tại đơn phản tố ngày 17/10/2018 và biên lai số 0000493 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD thể hiện ông T đã tạm ứng án phí sơ thẩm nên ông T đã thực hiện đầy đủ thủ tục phản tố

theo quy định của pháp luật tố tụng.

[3] Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm: Do các bên đều có lỗi trong việc gây ra thiệt hại nên nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ theo Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ phải liên đới chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền công xây dựng phải trả cho ông Dương Anh T; ông Dương Anh T và bà Ngô Thị Kim D phải liên đới chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền bồi thường cho ông C, bà Đ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Những nội D khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2, 5 Điều 308 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Dương Anh T (Dương Văn T).

Cải sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện CD, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 159, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 112; điểm a, c, k khoản 2 Điều 113 Luật xây dựng năm 2014; Điều 26, 28, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Lê Xuân Đ về tranh chấp bồi thường thiệt hại trong xây dựng nhà ở đối với bị đơn ông Dương Anh T (Dương Văn T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Kim D.

Buộc ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ số tiền là 87.857.000 đồng (tám mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Lê Xuân Đ về tranh chấp bồi thường thiệt hại trong xây dựng nhà ở đối với bị đơn ông Dương Anh T (Dương Văn T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Kim D đối với số tiền là 87.857.000 đồng (tám mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Anh T (Dương Văn T) yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ về việc trả chi phí thi công nhà ở.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ phải liên đới trả cho ông Dương Anh T số tiền là 78.686.640 đồng (bảy mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Anh T (Dương Văn T) yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Lê Xuân Đ về việc trả tiền công thi công nhà ở còn thiếu là 19.713.360 đồng (mười chín triệu, bảy trăm mười ba nghìn, ba trăm sáu mươi đồng).

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Kim D.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Lê Xuân Đ phải chịu 4.392.850 đồng án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận và 3.934.332 đồng đối với phần có nghĩa vụ trả tiền cho ông T, tổng cộng là 8.327.182 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã đóng là 7.725.000 đồng theo biên lai số 0000142 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD. Ông C, bà Đ còn nộp thêm là 602.182 đồng.

- Buộc ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D phải liên đới chịu 4.392.850 đồng án phí đối với phần bồi thường cho ông C, bà Đ và 985.668 đồng đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, tổng cộng là 5.378.518 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã đóng là 2.460.000 đồng theo biên lai số 0000493 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD. Ông T và bà D phải có trách nhiệm nộp tiếp số tiền là 2.918.518 đồng.

7. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008372, số 0008371 cùng ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD.

8. Về chi phí tố tụng:

8.1. Chi phí giám định tại cấp sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Lê Xuân Đ phải chịu 18.534.000 đồng (đã nộp xong).

- Buộc ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D liên đới phải chịu 18.534.000 đồng để hoàn trả lại cho ông C và bà Đ đã tạm ứng trước.

8.2. Chi phí thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Lê Xuân Đ phải liên đới chịu 1.350.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Dương Anh T (Dương Văn T) đã tạm ứng trước.

- Buộc ông Dương Anh T (Dương Văn T) và bà Ngô Thị Kim D liên đới phải chịu 1.350.000 đồng (đã nộp xong).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh